

Số: 02/TB-PGD&ĐT

Long Biên, ngày 06 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO
Kết quả thi chọn Câu lạc bộ môn học em yêu thích
cấp Quận năm học 2020-2021

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn Quận.

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-PGD&ĐT ngày 15/5/2020 về việc bồi dưỡng và thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa và khoa học năm học 2020-2021;

Phòng Giáo dục và đào tạo thông báo tới các nhà trường kết quả thi chọn học sinh vào CLB môn học em yêu thích cấp Quận năm học 2020-2021 như sau:

1. Số lượng học sinh được lựa chọn tham gia CLB môn học em yêu thích cấp Quận mỗi môn 30 học sinh, riêng môn Tin học 15 học sinh (được lấy theo thứ tự điểm thi từ cao xuống thấp)

(Theo danh sách đính kèm)

2. Tập trung học sinh:

- Thời gian: **14h30 ngày 29/8/2020 (thứ 7)**

- Địa điểm: Trường THCS Gia Thụy (ngõ 562, đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên).

3. Trách nhiệm của BGH nhà trường:

- Thông báo kết quả điểm thi tới học sinh dự thi; lịch tập trung tới CMHS và học sinh được chọn vào CLB môn học em yêu thích cấp Quận;

- Hướng dẫn học sinh tự viết đơn xin học và cam kết (*nội dung: không vi phạm nội quy học sinh, trường học, tham gia đầy đủ các buổi học chấp hành nghiêm túc mọi quy định của Câu lạc bộ...*) có chữ ký của CMHS và xác nhận của Ban giám hiệu nhà trường, học sinh nộp đơn tại lớp học cho giáo viên phụ trách trong buổi học đầu tiên;

- Trường hợp học sinh trúng tuyển nhưng không tham gia học, các trường báo cáo bằng văn bản về phòng GD&ĐT chậm nhất 25/8/2020 (Đ/c Nguyễn Đà Giang – Chuyên viên), các học sinh có điểm liền kề sẽ được cử chọn bổ sung;



- Tiếp tục triển khai công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của nhà trường đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

- Phối hợp với CMHS hướng dẫn, đưa đón học sinh dự học đảm bảo an toàn, đầy đủ, đúng lịch, đúng giờ.

Đề nghị đồng chí Hiệu trưởng các trường triển khai các nội dung nêu trên tới các thành phần có liên quan và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo lịch./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề t/h);
- Tổ THCS;
- Lưu, VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đào Thị Hoa



KẾT QUẢ THI CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

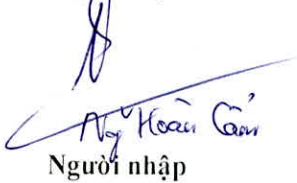
STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	Năm	Khối	Lớp			
1	TO51	Nguyễn Hà	Linh	16	11	2006	8	A2	Gia Thụy	Toán	19.50
2	TO84	Nguyễn Đức	Thiện	11	9	2006	8	A2	Ngọc Lâm	Toán	19.50
3	TO76	Nguyễn Thu	Phương	10	11	2006	8	A1	Phúc Lợi	Toán	18.50
4	TO60	Nguyễn Quang	Minh	23	9	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	17.50
5	TO86	Khúc Minh	Tiến	18	9	2006	8	H	Thạch Bàn	Toán	17.50
6	TO22	Nguyễn Trần	Chiến	5	12	2006	8	A2	Gia Thụy	Toán	17.25
7	TO54	Lê Thái Thủy	Linh	2	8	2006	8	A2	Thanh Am	Toán	17.00
8	TO28	Hoàng Ánh	Dương	10	7	2006	8	A	Đức Giang	Toán	16.50
9	TO66	Nguyễn Hoàng	Nam	5	4	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Toán	16.50
10	TO57	Lê Hoàng	Minh	25	9	2006	8	A	Ái Mộ	Toán	16.00
11	TO93	Lê Nguyễn Hoàng	Tùng	4	4	2006	8	A2	Gia Thụy	Toán	16.00
12	TO05	Phan Hoàng	Anh	29	3	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	15.75
13	TO04	Ngô Văn	Anh	2	4	2006	8	C	Ái Mộ	Toán	15.50
14	TO06	Ngô Duy	Anh	28	2	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	15.50
15	TO58	Nguyễn Tuấn	Minh	28	2	2006	8	A1	Việt Hưng	Toán	15.50
16	TO74	Đỗ Hoàng	Phúc	13	5	2006	8	A	Đức Giang	Toán	15.50
17	TO89	Nguyễn Việt	Trung	6	5	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	15.50
18	TO99	Trần Thảo	Vy	18	11	2006	8	A	Ái Mộ	Toán	15.50
19	TO88	Nguyễn Hiếu	Trang	16	11	2006	8	A1	Sài Đồng	Toán	15.25
20	TO10	Nguyễn Phương	Anh	10	11	2006	8	A5	Gia Thụy	Toán	15.00
21	TO23	Đoàn Hà	Cúc	25	11	2006	8	D	Đức Giang	Toán	15.00
22	TO43	Vương Lê Khánh	Huyền	24	11	2006	8	A1	Bồ Đề	Toán	15.00
23	TO64	Hoàng Lê	Minh	05	07	2006	8	A4	Vinschool	Toán	15.00
24	TO78	Nguyễn Thị Minh	Tâm	16	10	2006	8	A3	Vinschool	Toán	15.00
25	TO83	Trần Duy	Thành	27	04	2006	8	B	Long Biên	Toán	15.00
26	TO09	Nguyễn Hoàng	Anh	23	4	2006	8	A3	Gia Thụy	Toán	14.75
27	TO29	Trương Ánh	Dương	20	9	2006	8	A2	Sài Đồng	Toán	14.75
28	TO61	Trần Nhật	Minh	25	4	2006	8	A4	ĐT Việt Hưng	Toán	14.75
29	TO26	Hoàng Đại	Đồng	24	2	2006	8	A1	Sài Đồng	Toán	14.50
30	TO95	Nguyễn Thành	Vinh	19	10	2006	8	A6	Gia Thụy	Toán	14.50
31	TO79	Trần Tiến	Thanh	6	11	2006	8	A1	Phúc Lợi	Toán	14.25
32	TO27	Đặng Minh	Đức	19	11	2006	8	A1	Sài Đồng	Toán	14.25
33	TO87	Đỗ Đình	Tiến	8	8	2006	8	E	Thạch Bàn	Toán	14.25
34	TO67	Nguyễn Thành	Nam	13	5	2006	8	E	Đức Giang	Toán	14.00
35	TO75	Nguyễn Hữu	Phương	24	7	2006	8	A3	Gia Thụy	Toán	14.00
36	TO41	Trần Mạnh	Hoàng	26	4	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	13.75
37	TO46	Trần Đăng	Khoa	9	9	2006	8	B	Phúc Đồng	Toán	13.75
38	TO69	Nguyễn Danh	Nguyên	12	8	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Toán	13.75

39	TO08	Lương Quỳnh	Anh	17	12	2006	8	A	Đức Giang	Toán	13.50
40	TO17	Giáp Thị Tâm	Anh	30	4	2006	8	A2	Thanh Am	Toán	13.50
41	TO48	Vũ Tùng	Lâm	16	4	2006	8	A	Ái Mộ	Toán	13.50
42	TO77	Nguyễn Trần Mạnh	Quyết	16	8	2006	8	A5	Ngọc Lâm	Toán	13.50
43	TO36	Nguyễn Thị Thu	Hà	17	10	2006	8	E	Đức Giang	Toán	13.25
44	TO38	Lê Quý Hùng	Hải	30	5	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Toán	13.25
45	TO49	Nguyễn Tùng	Lâm	26	1	2006	8	E	Thạch Bàn	Toán	13.25
46	TO100	Ngô Ngọc	Yến	28	4	2006	8	A3	Thanh Am	Toán	13.25
47	TO07	Nguyễn Lê Như	Anh	18	6	2006	8	A	Đức Giang	Toán	13.00
48	TO15	Vương Hải	Anh	15	8	2006	8	A1	Sài Đồng	Toán	13.00
49	TO25	Nguyễn Trọng	Đạt	29	11	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Toán	13.00
50	TO31	Trịnh Thùy	Dương	30	11	2006	8	A1	Thượng Thanh	Toán	13.00
51	TO35	Ngô Ngọc	Hà	20	4	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Toán	13.00
52	TO44	Nguyễn Ngọc Nam	Khánh	20	11	2006	8	A3	Gia Thụy	Toán	13.00
53	TO65	Kiều Anh	Mỹ	26	11	2006	8	C	Ái Mộ	Toán	13.00
54	TO81	Nguyễn Minh	Thành	17	5	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Toán	13.00
55	TO82	Nguyễn Thế	Thành	12	4	2006	8	A5	Gia Thụy	Toán	13.00
56	TO42	Phạm Tuấn	Hung	22	4	2006	8	H	Thạch Bàn	Toán	12.75
57	TO92	Vũ Thanh	Tùng	11	8	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	12.75
58	TO01	Lê Thu	An	15	11	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Toán	12.50
59	TO50	Nguyễn Ngọc Huyền	Linh	27	3	2006	8	A	Ái Mộ	Toán	12.50
60	TO59	Nguyễn Quang	Minh	6	9	2006	8	A5	Việt Hưng	Toán	12.50
61	TO30	Nguyễn Đăng	Dương	21	9	2006	8	A2	Sài Đồng	Toán	12.25
62	TO32	Phan Khánh	Duy	1	7	2006	8	B	Phúc Đồng	Toán	12.25
63	TO72	Trần Phương	Nhi	29	8	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	Toán	12.25
64	TO12	Nguyễn Tú	Anh	3	6	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Toán	12.00
65	TO19	Vũ Hoàng Việt	Anh	15	9	2006	8	A1	Thượng Thanh	Toán	12.00
66	TO20	Nguyễn Thế	Bằng	11	06	2006	8	B	Long Biên	Toán	12.00
67	TO24	Nguyễn Phú	Đạt	12	10	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Toán	12.00
68	TO80	Đình Xuân	Thành	29	10	2006	8	A4	ĐT Việt Hưng	Toán	12.00
69	TO21	Nguyễn Bảo	Châu	06	08	2006	8	A2	Vinschool	Toán	11.75
70	TO40	Nguyễn Minh	Hiếu	21	6	2006	8	A7	Gia Thụy	Toán	11.75
71	TO47	Trần Trung	Kiên	27	7	2006	8	A2	Bồ Đề	Toán	11.75
72	TO14	Đỗ Việt	Anh	29	5	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Toán	11.50
73	TO18	Mai Thị Phương	Anh	30	6	2006	8	A1	Thượng Thanh	Toán	11.50
74	TO37	Bùi Hồng	Hải	14	6	2006	8	A1	Việt Hưng	Toán	11.50
75	TO53	Phạm Phương	Linh	5	7	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Toán	11.50
76	TO90	Nguyễn Hữu	Trung	20	11	2006	8	A4	Vinschool	Toán	11.50
77	TO98	Trịnh Nghiê	Vũ	30	8	2006	8	A2	Việt Hưng	Toán	11.50
78	TO02	Bùi Phúc	An	15	8	2006	8	A1	Phúc Lợi	Toán	11.25
79	TO11	Lê Ngọc Trang	Anh	9	7	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Toán	11.25
80	TO33	Nguyễn Hoàng	Giang	16	11	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Toán	11.25
81	TO34	Nguyễn Hương	Giang	6	9	2006	8	A1	Thanh Am	Toán	11.25

82	TO73	Nguyễn Hữu	Phong	19	9	2006	8	B	Ngô Gia Tự	Toán	11.25
83	TO96	Lương Thành	Vinh	25	11	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Toán	11.25
84	TO03	Nguyễn Lê Minh	Anh	22	11	2006	8	A	Ái Mộ	Toán	11.00
85	TO62	Trần Tuấn	Minh	16	9	2006	8	A5	ĐT Việt Hưng	Toán	11.00
86	TO94	Nguyễn Văn Quốc	Việt	30	10	2006	8	B	Ái Mộ	Toán	11.00
87	TO70	Ngô Trung	Nguyễn	8	12	2006	8	A1	Sài Đồng	Toán	10.50
88	TO39	Phạm Phương	Hiền	29	4	2006	8	A2	Thượng Thanh	Toán	10.00
89	TO85	Lê Đức	Thịnh	10	2	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Toán	9.50
90	TO97	Võ Lương	Vinh	25	1	2006	8	A1	Sài Đồng	Toán	9.25
91	TO13	Nguyễn Gia Minh	Anh	29	11	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Toán	9.00
92	TO56	Trần Đức	Mạnh	27	1	2006	8	B	Phúc Đồng	Toán	9.00
93	TO68	Bùi Linh	Nga	27	11	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Toán	8.75
94	TO16	Thái Quang	Anh	24	7	2006	8	A4	Sài Đồng	Toán	8.50
95	TO55	Chu Phương	Linh	26	9	2006	8	A2	Thượng Thanh	Toán	8.50
96	TO45	Nguyễn Ngọc	Khánh	7	9	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Toán	8.25
97	TO71	Nguyễn Đăng Minh	Nhật	7	2	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Toán	8.00
98	TO52	Nguyễn Hoàng	Linh	21	02	2006	8	B	Long Biên	Toán	7.00
99	TO63	Nguyễn Thanh	Minh	27	12	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Toán	5.50
100	TO91	Phạm Minh	Tuấn	11	01	2006	8	A5	Vinschool	Toán	3.25

Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

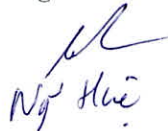
Người đọc


Người nhập

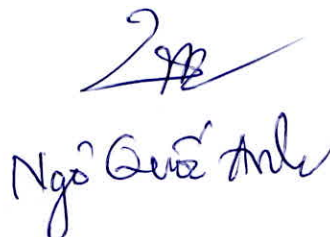


Nguyễn Văn Sơn

Người soát đọc


Người soát nhập

Người soát nhập


Ngô Quốc Anh



Đào Thị Hoa

KẾT QUẢ THI CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

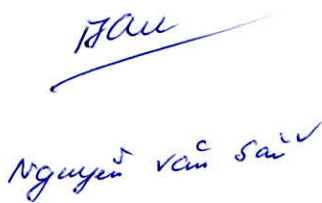
STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	Năm	Khối	Lớp			
1	VL24	Nguyễn Hoàng	Giang	24	4	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Vật lý	19.25
2	VL01	Nguyễn Khoa	An	21	8	2006	8	A	Ái Mộ	Vật lý	18.75
3	VL23	Nguyễn Hương	Giang	6	1	2006	8	A	Ái Mộ	Vật lý	18.00
4	VL55	Lưu Anh	Quân	28	3	2006	8	A9	Gia Thụy	Vật lý	18.00
5	VL35	Nguyễn Đình	Khánh	3	5	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Vật lý	17.75
6	VL52	Đặng Hoàng	Phúc	5	11	2006	8	A2	Gia Thụy	Vật lý	16.75
7	VL12	Vũ Trung	Bắc	3	2	2006	8	A	Ái Mộ	Vật lý	15.00
8	VL15	Nguyễn Quỳnh	Chi	18	10	2006	8	A3	Gia Thụy	Vật lý	15.00
9	VL59	Trần Thu	Trang	18	1	2006	8	A2	Gia Thụy	Vật lý	14.25
10	VL38	Đỗ Song Tú	Linh	17	10	2006	8	A2	Gia Thụy	Vật lý	14.00
11	VL50	Nguyễn Chí	Ngọc	30	6	2006	8	A8	Sài Đồng	Vật lý	14.00
12	VL58	Đinh Đức	Toàn	15	8	2006	8	A	Ái Mộ	Vật lý	14.00
13	VL27	Phạm Minh	Hạnh	28	6	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Vật lý	13.75
14	VL36	Trịnh Ngọc	Khánh	13	12	2006	8	A7	Gia Thụy	Vật lý	13.75
15	VL14	Đỗ Hà	Chi	12	9	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Vật lý	13.50
16	VL13	Phạm Trọng	Bình	6	7	2006	8	A5	ĐT Việt Hưng	Vật lý	13.00
17	VL07	Nguyễn Ngọc	Anh	24	6	2006	8	E	Thạch Bàn	Vật lý	12.75
18	VL09	Đỗ Hoàng Vân	Anh	17	3	2006	8	H	Thạch Bàn	Vật lý	12.75
19	VL37	Lý Hương	Lan	21	2	2006	8	A1	Việt Hưng	Vật lý	12.50
20	VL03	Nguyễn Thanh Hoàng	Anh	13	9	2006	8	A4	Việt Hưng	Vật lý	12.00
21	VL45	Võ Hà	My	23	10	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Vật lý	11.75
22	VL54	Hoàng Bình	Phương	25	9	2006	8	A4	Sài Đồng	Vật lý	11.50
23	VL04	Hoàng Đỗ Quỳnh	Anh	9	9	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	Vật lý	11.00
24	VL22	Lê Ánh	Dương	27	1	2006	8	H	Thạch Bàn	Vật lý	11.00
25	VL61	Phạm Minh	Tuấn	31	1	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Vật lý	11.00
26	VL19	Lê Minh	Đức	15	4	2006	8	A1	Phúc Lợi	Vật lý	10.75
27	VL08	Đặng Lê Quang	Anh	14	8	2006	8	G	Thạch Bàn	Vật lý	10.50
28	VL30	Nguyễn Thành	Đạt	25	7	2006	8	A	Ái Mộ	Vật lý	10.50
29	VL48	Vũ Thành	Nam	11	4	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Vật lý	10.50
30	VL25	Nguyễn Hương	Giang	25	9	2006	8	A2	Sài Đồng	Vật lý	9.75
31	VL06	Dương Thế	Anh	27	9	2006	8	A8	Sài Đồng	Vật lý	9.50
32	VL26	Nguyễn Đình	Hải	13	10	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Vật lý	9.50
33	VL57	Nguyễn Ngọc	Quang	8	7	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Vật lý	9.50
34	VL21	Nguyễn Tuấn	Dũng	23	11	2006	8	E	Thạch Bàn	Vật lý	9.00
35	VL39	Hoàng Ngọc	Loan	31	5	2006	8	A3	Thanh Am	Vật lý	9.00
36	VL44	Nguyễn Bảo	Minh	19	2	2006	8	A1	Thanh Am	Vật lý	8.25
37	VL46	Cao Danh	Nam	11	4	2006	8	C	Giang Biên	Vật lý	8.25
38	VL28	Thẩm Hồng	Hạnh	21	10	2006	8	B	Long Biên	Vật lý	8.00

39	VL53	Trần Minh	Phúc	11	9	2006	8	A1	Sài Đồng	Vật lý	8.00
40	VL56	Nguyễn Thái Minh	Quân	12	8	2006	8	A3	Gia Thụy	Vật lý	8.00
41	VL62	Nguyễn Hoàng	Tùng	28	11	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Vật lý	8.00
42	VL43	Lê Quốc	Minh	15	8	2006	8	A1	Phúc Lợi	Vật lý	7.50
43	VL18	Đặng Hà Minh	Đức	18	11	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Vật lý	7.25
44	VL10	Bùi Phương	Anh	21	5	2006	8	A1	Thanh Am	Vật lý	7.00
45	VL32	Nguyễn Phi	Nhi	11	4	2006	8	A2	Thanh Am	Vật lý	6.50
46	VL42	Đặng Tiến	Mạnh	10	1	2006	8	C	Cự Khối	Vật lý	6.50
47	VL47	Phạm Hồng	Phúc	29	12	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Vật lý	6.00
48	VL49	Hoàng Nhất	Nam	7	6	2006	8	A2	Thượng Thanh	Vật lý	5.50
49	VL02	Hà Huy	Anh	22	8	2006	8	A3	Việt Hưng	Vật lý	5.00
50	VL16	Đào Hữu	Đại	26	9	2006	8	C	Giang Biên	Vật lý	4.50
51	VL64	Đặng Khánh	Vy	07	06	2006	8	A	Long Biên	Vật lý	4.50
52	VL20	Ngô Gia	Định	9	7	2006	8	A4	Ngọc Thụy	Vật lý	4.00
53	VL34	Uông Đức	Huy	31	1	2006	8	E	Đức Giang	Vật lý	4.00
54	VL60	Phạm Đức	Trí	21	7	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Vật lý	4.00
55	VL63	Phạm Quốc	Việt	18	2	2006	8	A1	Phúc Lợi	Vật lý	4.00
56	VL31	Nguyễn Đức	Hòa	20	2	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Vật lý	3.50
57	VL33	Vũ Đình	Hường	01	03	2006	8	A	Long Biên	Vật lý	3.50
58	VL41	Nguyễn Hương	Ly	8	2	2006	8	A2	Sài Đồng	Vật lý	3.50
59	VL17	Cao Minh	Đức	14	7	2006	8	E	Đức Giang	Vật lý	3.00
60	VL51	Vũ Thị Quỳnh	Nhi	7	6	2006	8	A2	Bồ Đề	Vật lý	3.00
61	VL05	Lê Quỳnh	Anh	1	3	2006	8	E	Đức Giang	Vật lý	2.50
62	VL40	Nguyễn Đức	Lộc	18	4	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Vật lý	2.50
63	VL11	Dương Ngọc	Ánh	9	5	2006	8	C	Cự Khối	Vật lý	2.00
64	VL29	Ngô Hùng	Hiệp	5	10	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Vật lý	0.00

Long Biên, ngày 15 tháng 8 năm 2020

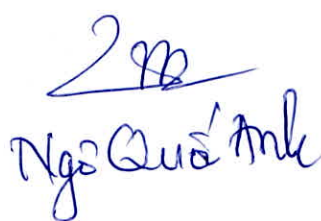
Người đọc


Người nhập


Nguyễn Văn Sơn

Người soát đọc


Người soát nhập


Đào Thị Hoa



Đào Thị Hoa

KẾT QUẢ THI CÂU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	Năm	Khối	Lớp			
1	HH17	Nguyễn Minh	Hà	6	12	2006	8	A4	Gia Thụy	Hóa học	19.50
2	HH29	Bùi Nguyễn Huy	Hùng	20	9	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Hóa học	18.75
3	HH31	Hoàng Phúc	Hưng	9	10	2006	8	A7	Ngọc Thụy	Hóa học	18.50
4	HH25	Lê Quang Minh	Hiếu	10	01	2006	8	B	Long Biên	Hóa học	17.25
5	HH15	Nguyễn Hoàng Tuấn	Duy	11	10	2006	8	C	Giang Biên	Hóa học	17.00
6	HH71	Phạm Minh	Trí	19	2	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Hóa học	17.00
7	HH66	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	19	8	2006	8	A2	Gia Thụy	Hóa học	16.75
8	HH36	Nguyễn Đàm	Khánh	24	6	2006	8	A2	Sài Đồng	Hóa học	16.50
9	HH45	Nghiêm Ngọc	Long	30	3	2006	8	E	Đức Giang	Hóa học	16.50
10	HH72	Tô Thanh	Trúc	18	9	2006	8	A2	Ngọc Lâm	Hóa học	16.00
11	HH05	Nguyễn Hải	Anh	26	1	2006	8	A	Đức Giang	Hóa học	15.50
12	HH22	Nguyễn Trọng	Hiếu	22	9	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Hóa học	15.50
13	HH74	Nguyễn Hoàng	Tùng	22	9	2006	8	A4	Gia Thụy	Hóa học	15.50
14	HH70	Vô Minh	Trang	24	2	2006	8	E	Thạch Bàn	Hóa học	14.50
15	HH24	Nguyễn Minh	Hiếu	13	4	2006	8	A2	Gia Thụy	Hóa học	14.00
16	HH02	Nguyễn Ngọc	Anh	30	1	2006	8	A7	Ngọc Lâm	Hóa học	13.50
17	HH04	Nguyễn Phương	Anh	8	11	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Hóa học	13.50
18	HH13	Lê Hữu Thái	Dương	12	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Hóa học	13.50
19	HH23	Nguyễn Anh	Hiếu	25	6	2006	8	A	Đức Giang	Hóa học	13.50
20	HH43	Hoàng Phi	Long	2	7	2006	8	A	Ái Mộ	Hóa học	13.50
21	HH48	Nguyễn Tuệ	Minh	16	9	2006	8	A3	Sài Đồng	Hóa học	13.00
22	HH37	Lê Ngọc	Lan	26	2	2006	8	A1	Việt Hưng	Hóa học	12.50
23	HH68	Trần Thanh	Toàn	22	9	2006	8	A1	Sài Đồng	Hóa học	12.50
24	HH33	Nguyễn Kim Gia	Huy	7	7	2006	8	A2	Thượng Thanh	Hóa học	12.00
25	HH63	Nguyễn Giang	Thanh	2	8	2006	8	A	Ái Mộ	Hóa học	11.75
26	HH12	Nguyễn Cao Thùy	Dung	28	6	2006	8	C	Phúc Đồng	Hóa học	11.50
27	HH53	Nguyễn Thị Hải	Ngọc	2	8	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Hóa học	10.75
28	HH01	Hoàng Nguyễn Mỹ	Anh	2	2	2006	8	A3	Bồ Đề	Hóa học	10.75
29	HH52	Lương Minh Hiếu	Ngọc	5	7	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Hóa học	10.75
30	HH69	Trần Đoan	Trang	13	5	2006	8	A1	Sài Đồng	Hóa học	10.75
31	HH39	Ngô Phương	Linh	3	12	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Hóa học	10.50
32	HH46	Nguyễn Phạm Hoàng	Mai	15	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Hóa học	10.50
33	HH51	Nguyễn Bảo	Ngọc	20	2	2006	8	C	Ái Mộ	Hóa học	10.25
34	HH76	Trương Hoàng Nguyên	Vũ	17	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Hóa học	10.25
35	HH41	Ngô Phương	Linh	7	8	2006	8	A2	Phúc Lợi	Hóa học	10.25
36	HH50	Trần Thị Trà	My	18	7	2006	8	A1	Sài Đồng	Hóa học	10.25
37	HH54	Đỗ Trang	Nhung	19	8	2006	8	A5	Gia Thụy	Hóa học	10.25
38	HH03	Nguyễn Hồng	Anh	21	7	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Hóa học	10.00
39	HH10	Nguyễn Hoàng	Anh	31	10	2006	8	A1	Vinschool	Hóa học	10.00
40	HH35	Nguyễn Nam	Khánh	15	5	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Hóa học	10.00

41	HH38	Hoàng Ngọc	Liên	10	5	2006	8	A2	Thanh Am	Hóa học	9.75
42	HH57	Nguyễn Mai	Phương	21	3	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Hóa học	9.75
43	HH26	Đỗ Trọng	Hiếu	31	5	2006	8	A1	Thanh Am	Hóa học	9.50
44	HH27	Đỗ Trung	Hiếu	30	7	2006	8	A2	Thượng Thanh	Hóa học	9.50
45	HH16	Bùi Ngọc	Hà	12	2	2006	8	A1	Việt Hưng	Hóa học	9.00
46	HH34	Lê Long	Khánh	13	10	2006	8	A	Ái Mộ	Hóa học	8.75
47	HH61	Lê Ngọc	Son	28	7	2006	8	B	Phúc Đồng	Hóa học	8.75
48	HH19	Nguyễn Trần Thảo	Hạnh	24	1	2006	8	C	Cự Khối	Hóa học	8.50
49	HH42	Nguyễn Ngọc	Linh	3	3	2006	8	A1	Phúc Lợi	Hóa học	8.50
50	HH62	Đào Duy	Thái	9	12	2006	8	A2	Thượng Thanh	Hóa học	8.50
51	HH18	Hoàng Thị Ngọc	Hân	1	12	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Hóa học	7.75
52	HH11	Nguyễn Thái	Bình	19	8	2006	8	B	Cự Khối	Hóa học	7.50
53	HH30	Dương Công	Hưng	19	12	2006	8	C	Cự Khối	Hóa học	7.50
54	HH67	Lê Nguyễn Thảo	Tiên	26	3	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Hóa học	7.50
55	HH75	Vũ Thanh	Vân	5	5	2006	8	G	Thạch Bàn	Hóa học	7.25
56	HH07	Nguyễn Ngọc Thục	Anh	29	12	2006	8	C	Giang Biên	Hóa học	7.00
57	HH08	Nguyễn Việt	Anh	5	1	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Hóa học	7.00
58	HH55	Vương Đại	Phong	6	1	2006	8	A1	Thanh Am	Hóa học	7.00
59	HH56	Đặng Lan	Phương	5	2	2006	8	A5	Ngọc Lâm	Hóa học	7.00
60	HH59	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	9	5	2006	8	A2	Việt Hưng	Hóa học	7.00
61	HH73	Lê Huy	Tuấn	05	12	2006	8	A	Long Biên	Hóa học	7.00
62	HH32	Nguyễn Quỳnh	Hương	29	11	2006	8	A2	Vinschool	Hóa học	6.75
63	HH20	Nguyễn Đức Anh	Hào	27	10	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Hóa học	6.50
64	HH49	Đỗ Trà	My	29	8	2006	8	A1	Phúc Lợi	Hóa học	6.50
65	HH44	Nguyễn Hoàng	Long	6	12	2006	8	A	Ái Mộ	Hóa học	6.00
66	HH64	Lưu Phú	Thành	14	8	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Hóa học	6.00
67	HH28	Vi Huy	Hoàng	29	4	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Hóa học	5.75
68	HH40	Hoàng Mai	Linh	25	10	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Hóa học	5.75
69	HH09	Nguyễn Việt	Anh	4	1	2006	8	A1	Phúc Lợi	Hóa học	5.50
70	HH21	Nguyễn Thị Vi	Hiền	6	9	2006	8	A1	Sài Đồng	Hóa học	5.25
71	HH60	Đặng Vũ Trường	Son	06	11	2006	8	A	Long Biên	Hóa học	5.25
72	HH65	Nguyễn Xuân	Thành	31	3	2006	8	C	Giang Biên	Hóa học	5.25
73	HH47	Vũ Hoàng	Minh	27	7	2006	8	C	Giang Biên	Hóa học	5.00
74	HH06	Phạm Gia	Anh	25	5	2006	8	A2	Gia Thụy	Hóa học	4.50
75	HH14	Chu Đức Đại	Dương	5	10	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Hóa học	4.00
76	HH58	Âu An Bích	Phương	05	12	2006	8	A5	Vinschool	Hóa học	2.75

Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

Người đọc


Nguyễn Hoàng Cẩm
Người nhập


Nguyễn Văn Sơn

Người soát đọc


Ngô Huệ

Người soát nhập


Ngô Quốc Anh

PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
GIAO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
Đào Thị Hoa

KẾT QUẢ THI CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

ST T	SBD	Họ tên	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	năm	Khối	Lớp			
1	SH29	Nguyễn Hiền	Linh	13	6	2006	8	A3	Gia Thụy	Sinh học	16.25
2	SH28	Phí Ngọc Khánh	Linh	26	12	2006	8	A2	Gia Thụy	Sinh học	15.75
3	SH04	Đoàn Hà Mai	Anh	15	7	2006	8	A1	Sài Đồng	Sinh học	15.25
4	SH10	Vũ Thanh	Bình	17	6	2006	8	A1	Thượng Thanh	Sinh học	15.25
5	SH13	Nguyễn Tuấn	Đạt	19	2	2006	8	A	Ngô Gia Tự	Sinh học	14.50
6	SH39	Lê Phương	Nga	23	1	2006	8	C	Ái Mộ	Sinh học	13.75
7	SH18	Lê Minh	Hoàng	6	1	2006	8	A8	Sài Đồng	Sinh học	13.50
8	SH06	Nguyễn Hà	Anh	10	3	2006	8	A2	Thượng Thanh	Sinh học	13.00
9	SH59	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	22	7	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Sinh học	13.00
10	SH03	Văn Quỳnh	Anh	6	2	2006	8	A1	Gia Thụy	Sinh học	12.75
11	SH19	Bùi Ngọc	Huyền	1	3	2006	8	A2	Thanh Am	Sinh học	12.75
12	SH60	Lê Phương	Uyên	22	9	2006	8	A1	Gia Thụy	Sinh học	12.50
13	SH46	Hoàng Phương	Nhi	11	5	2006	8	A2	Việt Hưng	Sinh học	12.00
14	SH22	Đặng Minh	Khuê	6	1	2006	8	A	Ái Mộ	Sinh học	11.75
15	SH23	Hoàng Phương	Liên	10	5	2006	8	A2	Thanh Am	Sinh học	11.75
16	SH49	Ngô Văn	Phong	28	7	2006	8	C	Cự Khối	Sinh học	11.75
17	SH08	Nguyễn Ngọc	Bích	19	10	2006	8	A2	Sài Đồng	Sinh học	11.25
18	SH34	Văn Thị Phương	Linh	20	8	2006	8	A1	Thanh Am	Sinh học	11.25
19	SH05	Ngô Hà	Anh	7	8	2006	8	E	Thạch Bàn	Sinh học	11.00
20	SH35	Nguyễn Hương	Ly	11	1	2006	8	C	Cự Khối	Sinh học	11.00
21	SH07	Văn Đình	Bách	3	9	2006	8	C	Ái Mộ	Sinh học	10.75
22	SH61	Đình Hà	Vy	30	1	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Sinh học	10.75
23	SH62	Bùi Hoàng	Yến	16	12	2006	8	A1	Phúc Lợi	Sinh học	10.75
24	SH52	Hà Minh	Quân	10	10	2006	8	E	Đức Giang	Sinh học	10.50
25	SH33	Trần Hoài	Linh	13	3	2006	8	A2	Sài Đồng	Sinh học	10.25
26	SH11	Nguyễn Khánh	Chi	21	10	2006	8	E	Thạch Bàn	Sinh học	9.75
27	SH42	Nguyễn Dương	Ngân	23	08	2006	8	A	Long Biên	Sinh học	9.75
28	SH01	Đào Nhật Duy	Anh	13	7	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Sinh học	9.50
29	SH02	Nguyễn Bảo	Anh	14	1	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Sinh học	9.50
30	SH44	Nguyễn Minh	Ngọc	1	8	2006	8	E	Ngô Gia Tự	Sinh học	9.50
31	SH15	Nguyễn Minh	Hằng	11	9	2006	8	A2	Việt Hưng	Sinh học	9.00
32	SH16	Đỗ Thị	Hào	1	1	2006	8	A8	Ngọc Thụy	Sinh học	8.50
33	SH53	Nguyễn Mai	Quỳnh	24	10	2006	8	A2	Ngọc Lâm	Sinh học	8.50
34	SH25	Nguyễn Khánh	Linh	16	11	2006	8	A5	Việt Hưng	Sinh học	8.25
35	SH26	Trần Thị Diệu	Linh	17	2	2006	8	A5	ĐT Việt Hưng	Sinh học	8.25
36	SH47	Nguyễn Phương	Nhung	27	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Sinh học	8.25
37	SH55	Đỗ Ngân	Thương	24	5	2006	8	C	Cự Khối	Sinh học	8.25
38	SH50	Vũ Huy	Phương	13	2	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Sinh học	8.00

39	SH58	Vương Minh	Trúc	19	12	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Sinh học	7.75
40	SH17	Đỗ Thu	Hiền	14	6	2006	8	A	Phúc Đồng	Sinh học	7.25
41	SH27	Ngô Hoàng Phương	Linh	31	3	2006	8	A	Đức Giang	Sinh học	6.75
42	SH40	Trịnh Thị Phương	Nga	9	8	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Sinh học	6.75
43	SH45	Đỗ Khôi	Nguyên	7	8	2006	8	A4	Gia Thụy	Sinh học	6.75
44	SH09	Trần Thanh	Bình	02	09	2006	8	A	Long Biên	Sinh học	6.50
45	SH38	Nguyễn Nhật	Minh	8	1	2006	8	C	Ái Mộ	Sinh học	6.50
46	SH31	Trần Bảo	Linh	23	7	2006	8	A3	Phúc Lợi	Sinh học	6.25
47	SH37	Nguyễn Ngọc	Mai	13	3	2006	8	E	Đức Giang	Sinh học	6.25
48	SH54	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	17	11	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Sinh học	6.25
49	SH43	Kiều Thị Minh	Ngọc	28	8	2006	8	A1	Phúc Lợi	Sinh học	5.25
50	SH12	Ngô Linh	Đan	15	3	2006	8	C	Cự Khối	Sinh học	5.00
51	SH32	Đồng Khánh	Linh	13	11	2006	8	A1	Phúc Lợi	Sinh học	5.00
52	SH30	Vũ Mai	Linh	1	7	2006	8	A4	Ngọc Thụy	Sinh học	4.75
53	SH41	Nguyễn Quỳnh	Nga	24	4	2006		A2	Sài Đồng	Sinh học	4.75
54	SH36	Hoàng Khánh	Ly	26	1	2006	8	E	Thạch Bàn	Sinh học	4.50
55	SH51	Đặng Hoàng Diệu	Phương	7	11	2006	8	A1	Phúc Lợi	Sinh học	4.50
56	SH56	Trần Thủy	Tiên	20	7	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Sinh học	4.50
57	SH21	Đặng Quốc	Khánh	3	11	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Sinh học	4.00
58	SH24	Nguyễn Khánh	Linh	4	4	2006	8	A2	Bồ Đề	Sinh học	4.00
59	SH14	Đỗ Trường	Giang	12	3	2006	8	C	Ái Mộ	Sinh học	3.75
60	SH48	Đặng Minh	Phi	01	12	2006	8	A	Long Biên	Sinh học	2.75
61	SH57	Đỗ Lê Kiều	Trang	3	10	2006	8	A	Phúc Đồng	Sinh học	2.75
62	SH20	Nguyễn Thị Minh	Khanh	17	9	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Sinh học	Bỏ thi

Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

Người đọc

Nguyễn Văn Cẩm
Người nhập

Người soát đọc

Nguyễn Huệ

Người soát nhập

Đặng

Đặng

Nguyễn Văn Cẩm - Ngô Quốc Anh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Đào Thị Hoa

KẾT QUẢ THI CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	Năm	Khối	Lớp			
1	NV02	Nguyễn Phú	An	6	7	2006	8	A4	Gia Thụy	Ngữ văn	13.50
2	NV09	Nguyễn Minh	Anh	12	10	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Ngữ văn	13.00
3	NV67	Nguyễn Hà	Nhi	17	11	2006	8	A4	Ngọc Thụy	Ngữ văn	12.00
4	NV72	Bùi Mai	Phương	12	9	2006	8	A1	Sài Đồng	Ngữ văn	11.50
5	NV81	Nguyễn Vũ Yên	Thư	18	7	2006	8	H	Thạch Bàn	Ngữ văn	11.00
6	NV85	Nguyễn Quỳnh	Trang	2	3	2006	8	A	Đức Giang	Ngữ văn	11.00
7	NV38	Nguyễn Thị Vân	Khánh	15	2	2006	8	A2	Phúc Lợi	Ngữ văn	10.50
8	NV47	Trần Thảo	Linh	19	11	2006	8	A3	Ngọc Lâm	Ngữ văn	10.50
9	NV62	Hoàng Thanh	Ngân	10	9	2006	8	A6	Gia Thụy	Ngữ văn	10.50
10	NV77	Đỗ Phương	Thảo	20	9	2006	8	C	Giang Biên	Ngữ văn	10.50
11	NV34	Trần Quốc	Hung	23	4	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Ngữ văn	10.00
12	NV35	Trương Lại Quỳnh	Hương	10	1	2006	8	A1	Sài Đồng	Ngữ văn	10.00
13	NV37	Trần Ngọc Khánh	Huyền	27	7	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Ngữ văn	10.00
14	NV39	Phạm Minh	Khuê	4	1	2006	8	A2	Bồ Đề	Ngữ văn	10.00
15	NV43	Nguyễn Phương	Linh	3	6	2006	8	A	Ái Mộ	Ngữ văn	10.00
16	NV50	Vũ Trần Huyền	Linh	1	9	2006	8	A2	Gia Thụy	Ngữ văn	10.00
17	NV53	Lưu Phương	Linh	18	9	2006	8	E	Thạch Bàn	Ngữ văn	10.00
18	NV66	Nguyễn Trần Uyên	Nhi	7	5	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Ngữ văn	10.00
19	NV08	Bùi Quỳnh	Anh	22	12	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Ngữ văn	9.50
20	NV28	Nguyễn Thùy	Dung	23	7	2006	8	A3	Phúc Lợi	Ngữ văn	9.50
21	NV75	Nguyễn Minh	Thanh	22	3	2006	8	A7	Ngọc Lâm	Ngữ văn	9.50
22	NV92	Nguyễn Hồng	Vân	12	10	2006	8	B	Ái Mộ	Ngữ văn	9.50
23	NV23	Lê Phương	Anh	21	3	2006	8	A1	Thượng Thanh	Ngữ văn	9.50
24	NV04	Đỗ Phương	Anh	25	9	2006	8	A	Ái Mộ	Ngữ văn	9.00
25	NV51	Đào Nhật	Linh	1	2	2006	8	A2	Sài Đồng	Ngữ văn	9.00
26	NV65	Nguyễn Thu Thảo	Nguyên	30	4	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Ngữ văn	9.00
27	NV70	Nguyễn Mai	Phương	19	8	2006	8	A5	Gia Thụy	Ngữ văn	9.00
28	NV78	Đào Ngọc	Thiện	1	3	2006	8	E	Đức Giang	Ngữ văn	9.00
29	NV80	Bùi Hoàng Minh	Thu	13	4	2006	8	A1	Sài Đồng	Ngữ văn	9.00
30	NV86	Nguyễn Lê Thu	Trang	7	7	2006	8	A6	Gia Thụy	Ngữ văn	9.00
31	NV14	Nguyễn Quỳnh	Anh	09	08	2006	8	B	Long Biên	Ngữ văn	8.50
32	NV20	Nguyễn Thảo	Anh	18	11	2006	8	A4	Sài Đồng	Ngữ văn	8.50
33	NV41	Trần Ngọc	Linh	6	5	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Ngữ văn	8.50
34	NV03	Nguyễn Quỳnh	An	3	2	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Ngữ văn	8.50
35	NV90	Lê Gia	Trí	21	12	2006	8	A2	Vinschool	Ngữ văn	8.50
36	NV06	Trần Lan	Anh	27	1	2006	8	A1	Bồ Đề	Ngữ văn	8.50
37	NV18	Đào Thị Trâm	Anh	28	3	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Ngữ văn	8.50

38	NV45	Trương Thị Phương	Linh	17	12	2006	8	A4	Việt Hưng	Ngữ văn	8.50
39	NV46	Nguyễn Ngọc	Linh	19	3	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Ngữ văn	8.50
40	NV49	Đinh Gia	Linh	13	5	2006	8	E	Đức Giang	Ngữ văn	8.50
41	NV56	Nguyễn Trúc	Mai	25	12	2006	8	A1	Phúc Lợi	Ngữ văn	8.50
42	NV57	Nguyễn Diệp	Minh	4	12	2006	8	A1	Phúc Lợi	Ngữ văn	8.50
43	NV82	Nguyễn Thanh	Thúy	21	7	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Ngữ văn	8.50
44	NV01	Phan Khánh	An	18	11	2006	8	D	Ái Mộ	Ngữ văn	8.00
45	NV11	Vương Thủy	Anh	5	1	2006	8	B	Đức Giang	Ngữ văn	8.00
46	NV22	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	1	1	2006	8	A2	Thượng Thanh	Ngữ văn	8.00
47	NV33	Nguyễn Thu	Hòa	20	10	2006	8	A6	Thượng Thanh	Ngữ văn	8.00
48	NV79	Đoàn Minh	Thu	16	5	2006	8	A1	Việt Hưng	Ngữ văn	8.00
49	NV91	Lê Phương	Uyên	07	01	2006	8	A5	Vinschool	Ngữ văn	8.00
50	NV16	Đinh Ngọc Trâm	Anh	18	7	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Ngữ văn	7.50
51	NV71	Đỗ Quỳnh	Phương	19	9	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Ngữ văn	7.50
52	NV83	Nguyễn Thùy	Trang	4	4	2006	8	A4	Ngọc Lâm	Ngữ văn	7.50
53	NV94	Phan Khánh	Vy	23	11	2006	8	A6	Gia Thụy	Ngữ văn	7.50
54	NV10	Hà Ngọc Minh	Anh	12	11	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Ngữ văn	7.00
55	NV24	Đặng Phương	Anh	29	6	2006	8	A6	Thượng Thanh	Ngữ văn	7.00
56	NV44	Ngô Khánh	Linh	7	5	2006	8	C	Ái Mộ	Ngữ văn	7.00
57	NV48	Ngô Ngọc Tú	Linh	2	6	2006	8	E	Đức Giang	Ngữ văn	7.00
58	NV59	Nguyễn Hà	My	19	7	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Ngữ văn	7.00
59	NV63	Lê Minh	Ngọc	10	7	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Ngữ văn	7.00
60	NV76	Đặng Thanh	Thảo	27	7	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Ngữ văn	7.00
61	NV88	Nguyễn Thu	Trang	16	10	2006	8	A2	Thanh Am	Ngữ văn	7.00
62	NV95	Đàm Hà	Vy	30	01	2006	8	A3	Vinschool	Ngữ văn	7.00
63	NV07	Trương Thị Quỳnh	Anh	10	2	2006	8	A4	Việt Hưng	Ngữ văn	6.50
64	NV27	Nguyễn Lan	Chi	25	9	2006	8	A6	Gia Thụy	Ngữ văn	6.50
65	NV52	Lê Gia	Linh	8	11	2006	8	A2	Sài Đồng	Ngữ văn	6.50
66	NV55	Đỗ Diễm	Ly	25	3	2006	8	C	Giang Biên	Ngữ văn	6.50
67	NV64	Đặng Thị Hồng	Ngọc	16	10	2006	8	A1	Phúc Lợi	Ngữ văn	6.50
68	NV68	Khang Hồng	Nhung	15	6	2006	8	A2	Ngọc Lâm	Ngữ văn	6.50
69	NV73	Phạm Đình Mỹ	Quỳnh	21	03	2006	8	B	Long Biên	Ngữ văn	6.50
70	NV05	Trần An Tuệ	Anh	20	12	2006	8	B	Ái Mộ	Ngữ văn	6.00
71	NV12	Lê Quỳnh	Anh	3	9	2006	8	A1	Gia Thụy	Ngữ văn	6.00
72	NV17	Nguyễn Thị Phương	Anh	2	2	2006	8	E	Ngô Gia Tự	Ngữ văn	6.00
73	NV19	Bùi Thu Hà	Anh	1	11	2006	8	A2	Sài Đồng	Ngữ văn	6.00
74	NV21	Nguyễn Thảo	Anh	8	9	2006	8	A1	Thanh Am	Ngữ văn	6.00
75	NV29	Vũ Thủy	Dương	14	8	2006	8	A1	Sài Đồng	Ngữ văn	6.00
76	NV61	Lê Thu	Nga	19	11	2006	8	C	Ái Mộ	Ngữ văn	6.00
77	NV69	Vũ Huy	Phong	06	05	2006	8	B1	Vinschool	Ngữ văn	6.00
78	NV87	Lý Hồng	Trang	21	7	2006	8	A2	Sài Đồng	Ngữ văn	6.00
79	NV89	Phạm Thùy	Trang	13	5	2006	8	A1	Thượng Thanh	Ngữ văn	6.00
80	NV13	Dương Tú	Anh	8	10	2006	8	A3	Gia Thụy	Ngữ văn	5.50

PHÒNG
ĐẠO TẠO

81	NV30	Phan Thu	Giang	7	2	2006	8	A	Phúc Đồng	Ngữ văn	5.50
82	NV36	Vũ Khánh	Huyền	24	2	2006	8	A1	Việt Hưng	Ngữ văn	5.50
83	NV15	Nguyễn Lan	Anh	29	09	2006	8	A	Long Biên	Ngữ văn	5.00
84	NV32	Âu Thanh	Hằng	25	7	2006	8	A3	Việt Hưng	Ngữ văn	5.00
85	NV54	Phạm Nguyễn Hương	Lý	23	4	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Ngữ văn	5.00
86	NV58	Phạm Văn Nhật	Minh	02	07	2006	8	A4	Vinschool	Ngữ văn	5.00
87	NV93	Lã Hà	Vi	22	10	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Ngữ văn	4.50
88	NV40	Phạm Hương	Lan	8	1	2006	8	B	Phúc Đồng	Ngữ văn	4.00
89	NV42	Trần Diễm	Linh	27	6	2006	8	B	Ái Mộ	Ngữ văn	4.00
90	NV60	Nguyễn Phương	Nam	26	4	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Ngữ văn	4.00
91	NV84	Trương Minh	Trang	30	1	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	Ngữ văn	4.00
92	NV74	Vũ Hương	Quỳnh	08	03	2006	8	B	Long Biên	Ngữ văn	3.50
93	NV26	Đoàn Vũ Minh	Châu	6	7	2006	8	A	Ái Mộ	Ngữ văn	2.50
94	NV25	Phạm Hồng	Băng	10	6	2006	8	A	Ái Mộ	Ngữ văn	2.00
95	NV96	Nguyễn Như	Ý	23	6	2006	8	A4	Sài Đồng	Ngữ văn	2.00
96	NV31	Đỗ Vũ Phương	Hà	27	8	2006	8	A2	Gia Thụy	Ngữ văn	Bỏ thi

Long Biên, ngày 5 tháng 8 năm 2020

Người đọc


 Nguyễn Hoàng Quân
 Người nhập

Người soát đọc


 Nguyễn Huệ
 Người soát nhập

PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



Đào Thị Hoa


 Nguyễn Đại Giang


 Ngô Quốc Anh

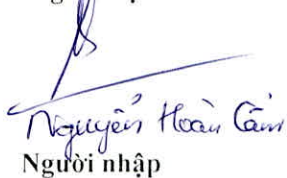
KẾT QUẢ THI CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

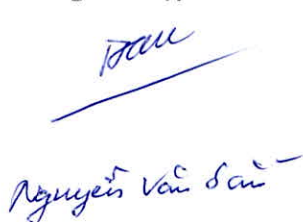
STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	năm	Khối	Lớp			
1	LS54	Lê Bích	Ngọc	3	5	2006	8	A2	Thượng Thanh	Lịch sử	14.75
2	LS49	Nguyễn Ngọc	Mai	20	8	2006	8	A2	Phúc Lợi	Lịch sử	14.00
3	LS62	Trần Mỹ	Tâm	14	7	2006	8	A2	Phúc Lợi	Lịch sử	14.00
4	LS45	Ngô Khánh	Linh	8	3	2006	8	A6	Gia Thụy	Lịch sử	13.50
5	LS33	Trương Bá Quang	Hưng	16	3	2006	8	A1	Việt Hưng	Lịch sử	13.25
6	LS55	Bùi Ngọc	Nhi	24	8	2006	8	A6	Gia Thụy	Lịch sử	12.75
7	LS72	Phùng Minh	Tú	16	7	2006	8	A9	Gia Thụy	Lịch sử	12.50
8	LS04	Nguyễn My	Anh	16	9	2006	8	A4	ĐT Việt Hưng	Lịch sử	12.25
9	LS07	Ngô Đoàn Quan	Anh	26	11	2006	8	B	Phúc Đồng	Lịch sử	11.75
10	LS24	Nguyễn Hà	Giang	26	5	2006	8	A1	Bồ Đề	Lịch sử	11.25
11	LS40	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	23	10	2006	8	A	Ái Mộ	Lịch sử	11.25
12	LS69	Nguyễn Ngọc	Trâm	24	8	2006	8	A2	Phúc Lợi	Lịch sử	11.25
13	LS52	Lê Hiếu	Ngân	19	8	2006	8	C	Giang Biên	Lịch sử	10.75
14	LS20	Đặng Lê Ngọc	Diệp	13	1	2006	8	A4	Gia Thụy	Lịch sử	10.50
15	LS65	Đào Thu	Thảo	29	5	2006	8	C	Giang Biên	Lịch sử	10.25
16	LS66	Vũ Anh	Thư	29	03	2006	8	B	Long Biên	Lịch sử	10.25
17	LS16	Nguyễn Hà	Châu	18	2	2006	8	B	Phúc Đồng	Lịch sử	10.00
18	LS48	Nguyễn Hoàng	Long	25	5	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Lịch sử	9.75
19	LS61	Lương Thanh	Tâm	27	7	2006	8	A4	Việt Hưng	Lịch sử	9.75
20	LS05	Trần Ngọc	Anh	23	11	2006	8	A3	Gia Thụy	Lịch sử	9.50
21	LS29	Kiều Thúy	Hằng	18	4	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Lịch sử	9.50
22	LS56	Nguyễn Linh	Nhi	24	1	2006	8	B	Ngô Gia Tự	Lịch sử	9.50
23	LS63	Nguyễn Hoài	Thanh	8	3	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Lịch sử	9.50
24	LS51	Nguyễn Tuấn	Nam	16	8	2006	8	A1	Thượng Thanh	Lịch sử	9.25
25	LS59	Đỗ Minh	Quân	8	1	2006	8	A	Ái Mộ	Lịch sử	9.00
26	LS71	Nguyễn Mạnh Trung	Trung	15	09	2006	8	B	Long Biên	Lịch sử	9.00
27	LS57	Phùng Minh	Phương	29	8	2006	8	A	Ngô Gia Tự	Lịch sử	8.75
28	LS30	Nguyễn Trung	Hiếu	26	8	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	Lịch sử	8.50
29	LS67	Đào Thanh	Thủy	6	9	2006	8	C	Giang Biên	Lịch sử	8.50
30	LS53	Nguyễn Bích	Ngân	6	12	2006	8	A2	Thượng Thanh	Lịch sử	8.25
31	LS11	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	27	11	2006	8	A3	Phúc Lợi	Lịch sử	8.00
32	LS34	Vũ Đình Quang	Huy	31	3	2006	8	C	Cự Khối	Lịch sử	8.00
33	LS60	Phạm Thanh	Quang	29	5	2006	8	A2	Sài Đồng	Lịch sử	8.00
34	LS68	Nguyễn Thủy	Tiên	24	12	2006	8	A2	Bồ Đề	Lịch sử	8.00
35	LS73	Ngô Xuân	Tùng	25	2	2006	8	C	Cự Khối	Lịch sử	8.00
36	LS03	Ngô Quỳnh	Anh	4	9	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Lịch sử	7.80
37	LS19	Chu Nhân Tiến	Đạt	23	8	2006	8	C	Cự Khối	Lịch sử	7.75
38	LS18	Đào Ngọc Hà	Chi	12	4	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Lịch sử	7.50
39	LS21	Nguyễn Quang	Đức	12	02	2006	8	A5	Vinschool	Lịch sử	7.50

40	LS64	Nguyễn Văn	Thành	28	9	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Lịch sử	7.50
41	LS70	Hoàng Thu	Trang	14	05	2006	8	B	Long Biên	Lịch sử	7.50
42	LS12	Lưu Ngọc	Bách	5	12	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Lịch sử	6.75
43	LS08	Kiều Tuấn	Anh	11	2	2006	8	A3	Phúc Lợi	Lịch sử	6.50
44	LS10	Nguyễn Hoài	Anh	27	10	2006	8	G	Thạch Bàn	Lịch sử	6.50
45	LS09	Nguyễn Ngọc	Anh	20	3	2006	8	G	Thạch Bàn	Lịch sử	6.25
46	LS37	Phạm Gia	Khánh	24	11	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Lịch sử	6.25
47	LS43	Nguyễn Thái Thùy	Linh	11	4	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	Lịch sử	6.25
48	LS74	Nguyễn Huy	Tùng	26	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Lịch sử	6.25
49	LS41	Hoàng Văn	Linh	4	8	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Lịch sử	6.00
50	LS06	Nguyễn Lan	Anh	22	6	2006	8	A5	Ngọc Thụy	Lịch sử	5.80
51	LS44	Trần Trang	Linh	25	9	2006	8	D	Đức Giang	Lịch sử	5.75
52	LS31	Hoàng Trung	Hiếu	29	3	2006	8	A8	Sài Đồng	Lịch sử	5.50
53	LS14	Võ Nguyễn Gia	Bảo	20	6	2006	8	A7	Sài Đồng	Lịch sử	5.25
54	LS25	Lê Hương	Giang	30	12	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Lịch sử	5.25
55	LS02	Nguyễn Quỳnh	Anh	22	8	2006	8	B	Ái Mộ	Lịch sử	4.80
56	LS17	Nguyễn Lê Quỳnh	Chi	27	6	2006	8	A	Ái Mộ	Lịch sử	4.80
57	LS23	Hà Mạnh	Duy	10	8	2006	8	A4	Thanh Am	Lịch sử	4.75
58	LS35	Hoàng Đạo Quang	Huy	11	3	2006	8	A	Ngô Gia Tự	Lịch sử	4.25
59	LS15	Nguyễn Hà	Bình	12	11	2006	8	A4	Vinschool	Lịch sử	4.00
60	LS58	Nguyễn Quỳnh	Phương	1	9	2006	8	A1	Thanh Am	Lịch sử	4.00
61	LS22	Trần Thùy	Dương	29	10	2006	8	D	Thạch Bàn	Lịch sử	3.80
62	LS01	Lê Thị Hồng	An	15	12	2006	8	A4	Thanh Am	Lịch sử	3.75
63	LS28	Nguyễn Lê Gia	Hân	12	5	2006	8	A2	Sài Đồng	Lịch sử	3.75
64	LS13	Lã Trần Gia	Bảo	20	2	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Lịch sử	3.00
65	LS36	Âu Mai	Khanh	21	3	2006	8	E	Đức Giang	Lịch sử	3.00
66	LS38	Lê Ngọc	Khánh	23	3	2006	8	E	Đức Giang	Lịch sử	3.00
67	LS27	Trần Hoàng	Hà	1	8	2006	8	A1	Sài Đồng	Lịch sử	2.75
68	LS46	Lê Khánh	Linh	27	11	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Lịch sử	2.75
69	LS32	Trần Thị Trung	Hoa	2	12	2006	8	A5	Ngọc Thụy	Lịch sử	2.50
70	LS39	Nguyễn Đỗ Nam	Khánh	12	01	2006	8	A5	Vinschool	Lịch sử	2.50
71	LS26	Đỗ Khánh	Hạ	5	6	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Lịch sử	2.25
72	LS50	Nguyễn Hà	My	8	12	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Lịch sử	1.25
73	LS47	Đỗ Thùy	Linh	25	9	2006	8	A5	Ngọc Thụy	Lịch sử	1.00
74	LS42	Ngô Bằng	Linh	15	10	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Lịch sử	0.75

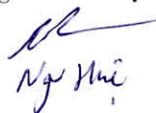
Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

Người đọc

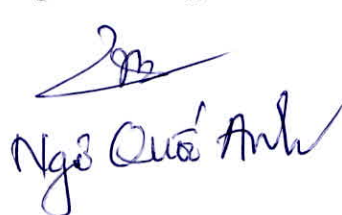

Nguyễn Hoàng Hải
Người nhập


Nguyễn Văn Sơn

Người soát đọc


Nguyễn Huệ

Người soát nhập


Ngô Quốc Anh



KẾT QUẢ THI CLB MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

ST T	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm	Ghi chú
				Ngày	Tháng	năm	Khối	Lớp				
1	ĐL71	Nguyễn Thùy	Vân	18	9	2006	8	C	Giang Biên	Địa lý	12.75	
2	ĐL33	Nguyễn Khánh	Ly	10	9	2006	8	G	Thạch Bàn	Địa lý	12.50	
3	ĐL49	Nguyễn Hồng	Nhung	25	3	2006	8	A8	Ngọc Thụy	Địa lý	12.50	
4	ĐL17	Đặng Lan	Hương	5	12	2006	8	C	Cự Khối	Địa lý	12.00	
5	ĐL46	Đỗ Ngọc	Nhi	2	3	2006	8	C	Ái Mộ	Địa lý	11.25	
6	ĐL31	Đinh Khánh	Ly	22	1	2006	8	C	Giang Biên	Địa lý	10.25	
7	ĐL10	Nguyễn Thu	Hà	31	5	2006	8	C	Giang Biên	Địa lý	10.00	
8	ĐL15	Vũ Trung	Hiếu	11	11	2006	8	E	Ngô Gia Tự	Địa lý	10.00	
9	ĐL39	Đặng Hải	Nam	9	6	2006	8	D	Ái Mộ	Địa lý	9.75	
10	ĐL45	Phạm Tường	Nhi	22	10	2006	8	B	Ái Mộ	Địa lý	9.50	
11	ĐL47	Nguyễn Lan	Nhi	8	9	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Địa lý	9.50	
12	ĐL55	Nguyễn Minh	Quang	14	2	2006	8	A3	Phúc Lợi	Địa lý	9.50	
13	ĐL62	Bùi Thị Hồng	Thương	22	2	2006	8	D	Đức Giang	Địa lý	9.50	
14	ĐL27	Đào Ngọc	Linh	26	4	2006	8	A8	Ngọc Thụy	Địa lý	9.00	
15	ĐL32	Nguyễn Hương	Ly	7	11	2006	8	G	Thạch Bàn	Địa lý	9.00	
16	ĐL40	Nguyễn Thảo	Ngân	7	11	2006	8	A1	Phúc Lợi	Địa lý	9.00	
17	ĐL05	Tăng Thùy	Dương	2	10	2006	8	G	Thạch Bàn	Địa lý	8.75	
18	ĐL29	Phùng Ngọc	Linh	6	1	2006	8	A1	Thượng Thanh	Địa lý	8.50	
19	ĐL34	Phạm Ngọc	Minh	8	5	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Địa lý	8.50	
20	ĐL67	Vũ Bá	Tùng	10	8	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Địa lý	8.50	
21	ĐL08	Chu Thị Phúc	Giang	23	12	2006	8	A7	Ngọc Lâm	Địa lý	8.00	
22	ĐL51	Nguyễn Tuấn	Phong	19	12	2006	8	E	Ngô Gia Tự	Địa lý	8.00	
23	ĐL59	Đào Phương	Thảo	23	3	2006	8	C	Cự Khối	Địa lý	8.00	
24	ĐL16	Nguyễn Quốc Triết	Hoàng	18	5	2006	8	C	Ái Mộ	Địa lý	7.75	
25	ĐL21	Nguyễn Văn	Khánh	17	3	2006	8	A	Ngô Gia Tự	Địa lý	7.50	
26	ĐL64	Trần Quỳnh	Trang	22	11	2006	8	A	Ngô Gia Tự	Địa lý	7.50	
27	ĐL63	Nguyễn Việt	Tiến	1	8	2006	8	A2	Phúc Lợi	Địa lý	7.25	
28	ĐL13	Nguyễn Ngân	Hằng	4	2	2006	8	A	Đức Giang	Địa lý	7.00	
29	ĐL43	Vũ Nguyễn Thảo	Nguyên	5	6	2006	8	E	Đức Giang	Địa lý	7.00	
30	ĐL61	Vũ Anh	Thư	1	10	2006	8	A8	Ngọc Thụy	Địa lý	7.00	
31	ĐL06	Bùi Đức	Duy	31	12	2006	8	A2	Bồ Đề	Địa lý	6.75	
32	ĐL56	Hồ Thế	Son	24	11	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Địa lý	6.75	
33	ĐL01	Trương Hải	Anh	10	12	2006	8	A3	Việt Hưng	Địa lý	6.50	
34	ĐL09	Nguyễn Trà	Giang	13	9	2006	8	A1	Thanh Am	Địa lý	6.50	
35	ĐL19	Nghiêm Thị Xuân	Hương	7	11	2006	8	A8	Sài Đồng	Địa lý	6.50	
36	ĐL41	Bùi Minh	Ngọc	3	8	2006	8	C	Cự Khối	Địa lý	6.50	
37	ĐL04	Hoàng Anh	Đức	1	7	2006	8	B	Phúc Đồng	Địa lý	6.25	
38	ĐL07	Bùi Lê Hương	Giang	30	6	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Địa lý	6.25	
39	ĐL23	Khánh	Linh	30	9	2006	8	A5	ĐT Việt Hưng	Địa lý	6.00	

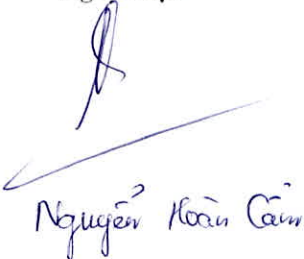
40	ĐL25	Nguyễn Diệu	Linh	18	08	2006	8	C	Long Biên	Địa lý	6.00	
41	ĐL36	Phí Hồng	My	1	8	2006	8	H	Ái Mộ	Địa lý	5.75	
42	ĐL37	Đặng Vũ Trà	My	21	6	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Địa lý	5.75	
43	ĐL48	Nguyễn Tuệ	Nhi	27	9	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Địa lý	5.75	
44	ĐL68	Nguyễn Quang	Tuyên	24	5	2006	8	A	Ngô Gia Tự	Địa lý	5.75	
45	ĐL02	Kiều Kim	Anh	22	5	2006	8	A1	Phúc Lợi	Địa lý	5.50	
46	ĐL12	Tiêu Ngọc	Hân	21	08	2006	8	B2	Vinschool	Địa lý	5.50	
47	ĐL52	Nguyễn Duy	Phú	01	01	2006	8	C	Long Biên	Địa lý	5.50	
48	ĐL70	Nguyễn Thu	Uyên	24	1	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Địa lý	5.50	
49	ĐL28	Nguyễn Phương	Linh	19	8	2006	8	A5	Thanh Am	Địa lý	5.00	
50	ĐL65	Lương Thanh	Trang	12	11	2006	8	A8	Sài Đồng	Địa lý	5.00	
51	ĐL14	Nguyễn Mai	Hiền	6	9	2006	8	A3	Gia Thụy	Địa lý	4.75	
52	ĐL50	Bùi Tuấn	Phong	14	11	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Địa lý	4.75	
53	ĐL73	Nguyễn Khánh	Vy	9	8	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Địa lý	4.75	
54	ĐL20	Trần Gia	Khánh	22	05	2006	8	B	Long Biên	Địa lý	4.50	
55	ĐL54	Phạm Trung	Quân	3	9	2006	8	A1	Sài Đồng	Địa lý	4.50	
56	ĐL66	Nguyễn An	Trang	1	8	2006	8	A2	Thượng Thanh	Địa lý	4.50	
57	ĐL57	Nguyễn Quốc	Thái	5	9	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Địa lý	4.25	
58	ĐL42	Nguyễn Tân Hoài	Ngọc	23	12	2006	8	A3	Gia Thụy	Địa lý	4.00	
59	ĐL58	Đinh Nhật	Thành	28	10	2006	8	A6	Gia Thụy	Địa lý	3.50	
60	ĐL03	Lê Gia	Bảo	17	1	2006	8	A3	Thanh Am	Địa lý	3.00	
61	ĐL38	Nguyễn Thị Huyền	My	11	6	2006	8	A1	Thượng Thanh	Địa lý	3.00	
62	ĐL44	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	20	3	2006	8	A1	Sài Đồng	Địa lý	3.00	
63	ĐL18	Khúc Thu	Hương	13	3	2006	8	A1	Phúc Lợi	Địa lý	2.50	
64	ĐL30	Nguyễn Ngọc Hải	Ly	20	2	2006	8	A7	Ngọc Lâm	Địa lý	2.50	
65	ĐL35	Hoàng Hải	Minh	27	8	2006	8	A6	Gia Thụy	Địa lý	2.50	
66	ĐL69	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	14	6	2006	8	A2	Bồ Đề	Địa lý	2.50	
67	ĐL22	Trần Tuấn	Kiệt	21	8	2006	8	A5	Việt Hưng	Địa lý	2.25	
68	ĐL24	Vũ Dương Khánh	Linh	16	6	2006	8	A3	Gia Thụy	Địa lý	2.00	
69	ĐL26	Nguyễn Thủy	Linh	25	08	2006	8	C	Long Biên	Địa lý	1.50	
70	ĐL72	Nguyễn Tiến Hoài	Việt	25	02	2006	8	A1	Vinschool	Địa lý	1.25	
71	ĐL11	Hùng Ngọc	Hà	19	7	2006	8	B	Phúc Đồng	Địa lý	1.00	
72	ĐL53	Nguyễn Minh	Phúc	14	11	2006	8	A9	Sài Đồng	Địa lý	1.00	
73	ĐL60	Nguyễn Anh	Thư	2	7	2006	8	A3	Việt Hưng	Địa lý	0.75	

Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

Người nhập


Nguyễn Văn Giang

Người đọc


Nguyễn Hoàn Cẩm

Người soát nhập


Ngô Quốc Anh

Người soát đọc


Ngô Huệ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐÀO THỊ HOA

KẾT QUẢ CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	Năm	Khối	Lớp			
1	CD38	Nguyễn Hà	My	13	4	2006	8	A2	Gia Thụy	GDCD	16.00
2	CD08	Trần Thị Lan	Anh	25	8	2006	8	C	Ngô Gia Tự	GDCD	13.75
3	CD12	Nguyễn Ái	Bình	23	6	2006	8	C	Ái Mộ	GDCD	13.75
4	CD44	Nguyễn Như	Nguyệt	11	5	2006	8	A1	Phúc Lợi	GDCD	13.75
5	CD05	Phạm Minh	Anh	27	8	2006	8	A4	Gia Thụy	GDCD	13.50
6	CD10	Phạm Quỳnh	Anh	13	2	2006	8	A2	Thượng Thanh	GDCD	13.50
7	CD21	Nguyễn Thu	Huyền	5	2	2006	8	G	Thạch Bàn	GDCD	13.50
8	CD22	Nguyễn Thị Mai	Lan	8	5	2006	8	A	Ngô Gia Tự	GDCD	13.00
9	CD48	Ngô Mai	Phương	24	10	2006	8	A8	Sài Đồng	GDCD	13.00
10	CD11	Nguyễn Minh	Ánh	2	9	2006	8	A8	Sài Đồng	GDCD	12.75
11	CD32	Nguyễn Phương	Linh	26	12	2006	8	A1	Phúc Lợi	GDCD	12.75
12	CD57	Nguyễn Thị Hoài	Thương	7	4	2006	8	A1	Việt Hưng	GDCD	12.50
13	CD67	Nguyễn Mai Khánh	Vân	26	9	2006	8	A8	Sài Đồng	GDCD	12.50
14	CD71	Nguyễn Hải	Yến	30	7	2006	8	C	Giang Biên	GDCD	12.50
15	CD62	Phạm Thu	Trang	27	9	2006	8	A4	Gia Thụy	GDCD	12.00
16	CD64	Nguyễn Huyền	Trang	15	11	2006	8	A	Giang Biên	GDCD	12.00
17	CD65	Lê Ngọc Thảo	Uyên	17	3	2006	8	A4	Ngọc Thụy	GDCD	11.75
18	CD09	Văn Thế	Anh	17	6	2006	8	A1	Sài Đồng	GDCD	11.50
19	CD55	Nguyễn Thanh	Thư	31	7	2006	8	A2	Gia Thụy	GDCD	11.25
20	CD59	Phạm Đào Thu	Thủy	6	11	2006	8	B	Ái Mộ	GDCD	11.25
21	CD06	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30	1	2006	8	C	Giang Biên	GDCD	11.25
22	CD33	Đỗ Phương	Linh	25	1	2006	8	A4	Thanh Am	GDCD	11.00
23	CD70	Hoàng Hà	Vy	28	09	2006	8	B	Long Biên	GDCD	10.75
24	CD29	Phạm Thị Diệu	Linh	6	12	2006	8	A3	Ngọc Thụy	GDCD	10.75
25	CD37	Mạc Nhật	Minh	2	9	2006	8	A2	Thượng Thanh	GDCD	10.75
26	CD41	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	13	11	2006	8	A5	Gia Thụy	GDCD	10.75
27	CD45	Hoàng Yến	Nhi	12	4	2006	8	A6	Ngọc Lâm	GDCD	10.50
28	CD31	Ngô Phương	Linh	19	11	2006	8	A3	Phúc Lợi	GDCD	10.25
29	CD28	Chữ Diệu	Linh	20	10	2006	8	A	Long Biên	GDCD	10.25
30	CD27	Dương Ngọc	Linh	30	6	2006	8	D	Đức Giang	GDCD	10.25
31	CD14	Phan Minh	Châu	21	7	2006	8	C	Ngô Gia Tự	GDCD	10.00
32	CD36	Nguyễn Thu	Minh	04	04	2006	8	B	Long Biên	GDCD	10.00
33	CD47	Đặng Minh	Phương	5	11	2006	8	A1	Việt Hưng	GDCD	10.00
34	CD52	Trần Thu	Thảo	31	1	2006	8	C	Giang Biên	GDCD	9.75
35	CD63	Hoàng Thu	Trang	19	7	2006	8	C	Giang Biên	GDCD	9.75
36	CD07	Nguyễn Thị Vân	Anh	6	2	2006	8	C	Ngô Gia Tự	GDCD	9.75
37	CD30	Hoàng Ngọc	Linh	23	9	2006	8	A	Ngô Gia Tự	GDCD	9.75
38	CD54	Bùi Ngọc	Thu	18	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	GDCD	9.50

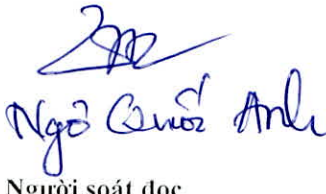
39	CD03	Nguyễn Đặng Châu	Anh	3	6	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	GDCD	9.50
40	CD40	Cao Diệu	Ngân	10	10	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	GDCD	9.50
41	CD46	Nguyễn Hồng	Nhung	27	12	2006	8	C	Ái Mộ	GDCD	9.50
42	CD50	Nguyễn Ngọc	Quyên	20	9	2006	8	A3	Thanh Am	GDCD	9.50
43	CD26	Đoàn Thảo	Linh	6	4	2006	8	E	Đức Giang	GDCD	9.25
44	CD13	Chữ Huyền	Châu	8	8	2006	8	A2	Bồ Đề	GDCD	9.00
45	CD58	Nguyễn Mai Phương	Thúy	26	12	2006	8	A	Long Biên	GDCD	8.75
46	CD43	Đào Thanh Thảo	Nguyễn	12	7	2006	8	E	Ngô Gia Tự	GDCD	8.75
47	CD60	Lê Trần Việt	Tiến	9	8	2006	8	A4	Ngọc Thụy	GDCD	8.50
48	CD15	Bùi Khánh	Đan	13	7	2006	8	A3	Phúc Lợi	GDCD	8.25
49	CD35	Chu Ánh	Minh	1	2	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	GDCD	8.25
50	CD02	Nguyễn Quỳnh	Anh	29	6	2006	8	A5	Ngọc Lâm	GDCD	8.00
51	CD66	Nguyễn Thảo	Vân	30	1	2006	8	A1	Phúc Lợi	GDCD	7.50
52	CD23	Lê Hoàng	Lan	15	10	2006	8	A2	Sài Đồng	GDCD	7.50
53	CD56	Bùi Ánh	Thư	25	7	2006	8	B	Phúc Đồng	GDCD	7.25
54	CD04	Nguyễn Thị Trâm	Anh	5	4	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	GDCD	7.25
55	CD34	Nguyễn Ngọc	Linh	19	9	2006	8	A1	Thượng Thanh	GDCD	7.25
56	CD24	Đặng Phương	Linh	10	9	2006	8	C	Ái Mộ	GDCD	7.00
57	CD42	Trần Hồng	Ngọc	14	2	2006	8	B	Phúc Đồng	GDCD	7.00
58	CD51	Trần Lương Diễm	Quỳnh	26	10	2006	8	A3	ĐT Việt Hưng	GDCD	6.75
59	CD17	Đoàn Nguyên	Đức	28	6	2006	8	E	Đức Giang	GDCD	6.75
60	CD53	Trần Thanh	Thảo	15	5	2006	8	C	Ngô Gia Tự	GDCD	6.50
61	CD61	Nguyễn Thị Thanh	Trà	10	7	2006	8	A1	Ngọc Thụy	GDCD	6.50
62	CD19	Trịnh Lương	Hằng	16	10	2006	8	A	Ngô Gia Tự	GDCD	6.50
63	CD68	Chu Hà	Vi	20	10	2006	8	A1	Bồ Đề	GDCD	6.00
64	CD25	Vũ Phương	Linh	4	8	2006	8	C	Cự Khối	GDCD	6.00
65	CD39	Nguyễn Thảo	My	27	8	2006	8	D	Ngô Gia Tự	GDCD	6.00
66	CD69	Hoàng Quốc	Việt	8	4	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	GDCD	5.75
67	CD49	Đặng Tú	Quyên	14	2	2006	8	B	Ái Mộ	GDCD	5.75
68	CD01	Nguyễn Quang	Anh	18	9	2006	8	A1	Việt Hưng	GDCD	5.50
69	CD16	Đào Tiến	Đạt	10	7	2006	8	C	Cự Khối	GDCD	Bỏ thi
70	CD18	Phan Gia	Hân	1	7	2006	8	A5	Ngọc Lâm	GDCD	Bỏ thi
71	CD20	Trần Thị Thu	Hạnh	3	9	2006	8	A1	Ngọc Thụy	GDCD	Bỏ thi

Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

Người nhập

Người soát nhập


Nguyễn Đức Giang
Người đọc


Ngô Quốc Anh
Người soát đọc

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đào Thị Hoa


Nguyễn Hoàn Cảnh


Ngô Huệ

KẾT QUẢ THI CÂU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	năm	Khối	Lớp			
1	TA40	Nguyễn Thị An	Khanh	03	09	2006	8	A4	Vinschool	Tiếng Anh	17.80
2	TA81	Đinh Nguyễn Hoài	Phương	26	10	2006	8	B1	Vinschool	Tiếng Anh	17.75
3	TA51	Luyện Phương	Linh	10	11	2006	8	A2	Gia Thụy	Tiếng Anh	17.00
4	TA54	Nguyễn Khánh	Linh	27	1	2006	8	A1	Phúc Lợi	Tiếng Anh	16.60
5	TA82	Nguyễn Lan	Phương	24	02	2006	8	A2	Vinschool	Tiếng Anh	16.50
6	TA84	Trần Anh	Quân	1	9	2006	8	A5	Gia Thụy	Tiếng Anh	16.40
7	TA21	Hoàng Yến	Chi	10	11	2006	8	A5	Vinschool	Tiếng Anh	16.00
8	TA97	Nguyễn Thùy	Trang	13	12	2006	8	A2	Hưng	Tiếng Anh	16.00
9	TA73	Cần Hoàng Khôi	Nguyễn	15	1	2006	8	A1	Hưng	Tiếng Anh	15.80
10	TA36	Võ Hoàng	Hùng	11	02	2006	8	B2	Vinschool	Tiếng Anh	15.40
11	TA83	Trương Anh	Quân	10	7	2006	8	B	Ái Mộ	Tiếng Anh	15.40
12	TA45	Phan Ngọc	Linh	28	12	2006	8	A2	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	15.30
13	TA35	Lưu Phương	Hoa	2	8	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	15.20
14	TA41	Nguyễn Ngọc	Khánh	19	6	2006	8	A1	Gia Thụy	Tiếng Anh	15.20
15	TA49	Nguyễn Bằng	Linh	4	8	2006	8	A5	Hưng	Tiếng Anh	15.20
16	TA79	Phạm Vũ Hà	Phương	26	7	2006	8	A1	Thanh Am	Tiếng Anh	15.20
17	TA89	Nguyễn Phương	Thanh	15	4	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	14.90
18	TA103	Phạm Đức	Trí	10	09	2006	8	B2	Vinschool	Tiếng Anh	14.90
19	TA37	Nguyễn Thành	Hưng	8	4	2006	8	B	Ái Mộ	Tiếng Anh	14.80
20	TA43	Nguyễn Gia	Khiêm	31	8	2006	8	A1	Phúc Lợi	Tiếng Anh	14.80
21	TA71	Bùi Bảo	Ngọc	17	5	2006	8	A4	Gia Thụy	Tiếng Anh	14.80
22	TA87	Lê Cao Trọng	Quốc	15	12	2006	8	A3	Gia Thụy	Tiếng Anh	14.80
23	TA92	Nguyễn Phương	Thảo	19	12	2006	8	A2	Hưng	Tiếng Anh	14.60
24	TA38	Trần Ngọc	Hưng	29	1	2006	8	A2	Hưng	Tiếng Anh	14.50
25	TA15	Nguyễn Phúc Gia	Anh	19	01	2006	8	A4	Vinschool	Tiếng Anh	14.40
26	TA31	Nguyễn Minh	Hằng	17	3	2006	8	B	Ái Mộ	Tiếng Anh	14.40
27	TA42	Nguyễn Ngọc	Khánh	9	12	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	14.40
28	TA63	Nguyễn Trần Thiên	Minh	13	01	2006	8	A	Long Biên	Tiếng Anh	14.35
29	TA52	Ngô Ngọc	Linh	6	2	2006	8	A2	Gia Thụy	Tiếng Anh	14.30
30	TA106	Nguyễn Thị Mai	Tùng	3	9	2006	8	A	Ái Mộ	Tiếng Anh	14.30
31	TA16	Nguyễn Thị Huyền	Anh	08	03	2006	8	A4	Vinschool	Tiếng Anh	14.20
32	TA46	Trần Ngọc	Linh	25	10	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	14.20
33	TA60	Đỗ Trịnh Thuận	Minh	20	2	2006	8	A1	Hưng	Tiếng Anh	14.20
34	TA74	Đỗ Khôi	Nguyễn	28	6	2006	8	E	Đức Giang	Tiếng Anh	14.20
35	TA78	Vũ Hà	Phương	2	7	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	14.15
36	TA09	Bùi Trúc	Anh	9	8	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	14.00
37	TA61	Trang Tiến	Minh	15	2	2006	8	A4	Gia Thụy	Tiếng Anh	14.00
38	TA96	Lê Kiều	Trang	7	4	2006	8	C	Ái Mộ	Tiếng Anh	14.00
39	TA75	Nguyễn Phương	Nhi	19	10	2006	8	A1	Phúc Lợi	Tiếng Anh	13.95

40	TA14	Lê Nguyễn Diệu	Anh	22	7	2006	8	A2	Thượng Than	Tiếng Anh	13.90
41	TA94	Nguyễn Hải	Thị	1	10	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	13.90
42	TA98	Lê Thu	Trang	18	8	2006	8	D	Đức Giang	Tiếng Anh	13.90
43	TA102	Nguyễn Hương	Giang	29	6	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	13.90
44	TA08	Vương Thục	Anh	2	5	2006	8	A6	Gia Thụy	Tiếng Anh	13.80
45	TA48	Trần Nguyễn Ngọc	Linh	1	3	2006	8	A4	Hung	Tiếng Anh	13.80
46	TA93	Hoàng Minh	Thảo	28	2	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Tiếng Anh	13.80
47	TA95	Lê Thu	Trà	12	3	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	13.80
48	TA47	Vũ Trang	Linh	28	3	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	13.70
49	TA50	Đinh Nguyễn Hà	Linh	31	8	2006	8	A5	Hung	Tiếng Anh	13.60
50	TA66	Trần Hiếu	Ngân	12	4	2006	8	A1	Thượng Than	Tiếng Anh	13.60
51	TA99	Nguyễn Thị Hồng	Trang	16	12	2006	8	A1	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	13.55
52	TA85	Lại Nhật	Quang	6	10	2006	8	A3	Sài Đồng	Tiếng Anh	13.50
53	TA07	Nguyễn Thị Vân	Anh	19	7	2006	8	A2	Hung	Tiếng Anh	13.40
54	TA34	Nguyễn Bảo	Hiền	7	2	2006	8	B	Ái Mộ	Tiếng Anh	13.40
55	TA88	Nguyễn Minh	Sơn	27	12	2006	8	A3	Phúc Lợi	Tiếng Anh	13.40
56	TA01	Nguyễn Hoàng Thanh	An	02	01	2006	8	B	Long Biên	Tiếng Anh	13.30
57	TA02	Nguyễn Thành	An	30	3	2006	8	A2	Thượng Than	Tiếng Anh	13.30
58	TA55	Đào Phạm Huyền	Linh	12	5	2006	8	A1	Sài Đồng	Tiếng Anh	13.30
59	TA11	Trương Minh	Anh	27	12	2006	8	A7	Sài Đồng	Tiếng Anh	13.20
60	TA27	Đào Thị Thủy	Dương	2	4	2006	8	A1	Việt Hưng	Tiếng Anh	13.10
61	TA59	Đặng Ngọc	Minh	21	6	2006	8	A1	Hung	Tiếng Anh	13.10
62	TA39	Đào Nguyễn Ngọc	Hương	2	4	2006	8	A6	Gia Thụy	Tiếng Anh	13.00
63	TA105	Lương Minh	Tuấn	23	6	2006	8	A4	Sài Đồng	Tiếng Anh	13.00
64	TA10	Nguyễn Ngọc	Anh	4	10	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Tiếng Anh	12.80
65	TA69	Lê Minh	Ngọc	9	2	2006	8	A5	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	12.80
66	TA64	Hoàng Linh	Nga	2	11	2006	8	A5	Gia Thụy	Tiếng Anh	12.55
67	TA44	Trịnh Bá	Kiên	8	8	2006	8	A5	Ngọc Thụy	Tiếng Anh	12.40
68	TA67	Hoàng Bảo	Ngân	16	09	2006	8	B1	Vinschool	Tiếng Anh	12.35
69	TA04	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	22	10	2006	8	A2	Việt Hưng	Tiếng Anh	12.30
70	TA90	Trần Phương	Thảo	5	6	2006	8	D	Ái Mộ	Tiếng Anh	12.20
71	TA06	Nguyễn Lê Đức	Anh	5	1	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	12.10
72	TA22	Hoàng Hải	Đặng	31	12	2006	8	C	Cự Khối	Tiếng Anh	12.00
73	TA30	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	12	4	2006	8	A2	Thượng Than	Tiếng Anh	12.00
74	TA53	Nguyễn Tuấn	Linh	23	6	2006	8	A4	Gia Thụy	Tiếng Anh	12.00
75	TA57	Đoàn Thanh	Mai	3	1	2006	8	A6	Sài Đồng	Tiếng Anh	12.00
76	TA70	Đặng Minh Song	Ngọc	24	5	2006	8	A	Đức Giang	Tiếng Anh	12.00
77	TA77	Đặng Thế	Phong	11	9	2006	8	B	Đức Giang	Tiếng Anh	12.00
78	TA107	Đoàn	Vy	27	11	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	11.80
79	TA26	Nguyễn Đăng Tùng	Dương	18	1	2006	8	C	Cự Khối	Tiếng Anh	11.60
80	TA80	Ngô Minh	Phương	3	11	2006	8	A1	Thượng Than	Tiếng Anh	11.60
81	TA12	Bùi Hoàng	Anh	12	6	2006	8	A1	Sài Đồng	Tiếng Anh	11.40
82	TA33	Trần Hồng	Hạnh	22	12	2006	8	D	Đức Giang	Tiếng Anh	11.40



83	TA03	Nguyễn Tú Anh	8	12	2006	8	A1	Bồ Đề	Tiếng Anh	11.35
84	TA13	Nguyễn Hiền Anh	6	3	2006	8	A1	Sài Đồng	Tiếng Anh	11.30
85	TA62	Phùng Viết Quang Minh	17	7	2006	8	A1	Gia Thụy	Tiếng Anh	11.30
86	TA108	Nguyễn Hà Vy	17	2	2006	8	H	Thạch Bàn	Tiếng Anh	11.10
87	TA20	Nguyễn Hà Chi	16	8	2006	8	A2	Sài Đồng	Tiếng Anh	11.00
88	TA56	Nguyễn Đăng Lương	08	04	2006	8	B	Long Biên	Tiếng Anh	11.00
89	TA101	Phạm Thị Thùy Trang	7	1	2006	8	A2	Sài Đồng	Tiếng Anh	10.95
90	TA05	Nguyễn Hồng Anh	13	1	2006	8	A3	Việt Hưng	Tiếng Anh	10.70
91	TA86	Tạ Minh Quang	6	6	2006	8	A1	Sài Đồng	Tiếng Anh	10.60
92	TA17	Trương Ngọc Ánh	14	4	2006	8	G	Thạch Bàn	Tiếng Anh	10.50
93	TA72	Phạm Vũ Thảo Nguyên	1	1	2006	8	A	Ái Mộ	Tiếng Anh	10.40
94	TA18	Mai Ngọc Châm	25	7	2006	8	H	Thạch Bàn	Tiếng Anh	10.10
95	TA25	Trần Minh Dũng	19	10	2006	8	A1	Ngọc Lâm	Tiếng Anh	10.10
96	TA104	Trần Anh Tuấn	1	12	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Tiếng Anh	10.10
97	TA23	Bùi Anh Đức	1	1	2006	8	C	Phúc Đồng	Tiếng Anh	9.80
98	TA91	Dương Phương Thảo	9	12	2006	8	C	Cự Khối	Tiếng Anh	9.80
99	TA68	Dương Minh Ngọc	21	12	2006	8	C	Cự Khối	Tiếng Anh	9.70
100	TA24	Hoàng Ngọc Dung	28	11	2006	8	C	Giang Biên	Tiếng Anh	8.50
101	TA65	Nguyễn Hà Ngân	17	10	2006	8	A1	Bồ Đề	Tiếng Anh	8.40
102	TA29	Dương Khánh Hà	2	9	2006	8	G	Thạch Bàn	Tiếng Anh	7.80
103	TA76	Nguyễn Thị Hải Ninh	26	10	2006	8	G	Thạch Bàn	Tiếng Anh	7.80
104	TA28	Lưu Thị Phương Hà	1	7	2006	8	C	Phúc Đồng	Tiếng Anh	7.60
105	TA19	Phan Phương Chi	20	6	2006	8	A1	Việt Hưng	Tiếng Anh	7.10
106	TA32	Đỗ Thu Hằng	8	3	2006	8	A1	Việt Hưng	Tiếng Anh	6.60
107	TA100	Nguyễn Huyền Trang	29	7	2006	8	A2	Phúc Lợi	Tiếng Anh	5.50
108	TA58	Bùi Nhật Minh	20	10	2006	8	A	Ái Mộ	Tiếng Anh	Bò thi

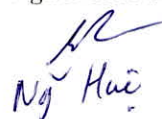
Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người đọc

Người soát đọc


Nguyễn Hoàn Cẩm
Người nhập


Ngô Huệ
Người soát nhập


Đào Thị Hoa


Nguyễn Đa Giang


Ngô Quốc Anh

KẾT QUẢ THI CẤU LẠC BỘ MÔN HỌC EM YÊU THÍCH CẤP QUẬN NĂM HỌC 2020-2021

ST T	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh			Khối lớp		Trường THCS	Môn dự thi	Điểm
				Ngày	Tháng	năm	Khối	Lớp			
1	TH32	Phạm Cẩm	Tú	4	3	2006	8	A2	Gia Thụy	Tin học	18.00
2	TH17	Lê Viết Quang	Minh	16	6	2006	8	A6	Ngọc Lâm	Tin học	16.00
3	TH14	Phạm Hoàng	Huy	7	2	2006	8	D	Ái Mộ	Tin học	15.00
4	TH28	Vũ Đăng	Thành	11	5	2006	8	A	Ái Mộ	Tin học	15.00
5	TH06	Nguyễn Tiến	Dũng	25	8	2006	8	A2	Gia Thụy	Tin học	14.50
6	TH31	Bùi Quốc	Trung	2	10	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Tin học	14.00
7	TH11	Nguyễn Minh	Hoàng	12	3	2006	8	A2	ĐT Việt Hưng	Tin học	13.00
8	TH27	Nguyễn Hữu	Quang	23	5	2006	8	A2	Ngọc Thụy	Tin học	13.00
9	TH16	Vũ Kim	Long	28	1	2006	8	D	Ái Mộ	Tin học	12.00
10	TH07	Nguyễn Ngọc	Duy	13	1	2006	8	A1	Việt Hưng	Tin học	11.00
11	TH03	Nguyễn Việt	Anh	19	1	2006	8	A1	Sài Đồng	Tin học	9.00
12	TH22	Trịnh Phương	Nam	10	11	2006	8	A2	Gia Thụy	Tin học	8.50
13	TH02	Nguyễn Quỳnh	Anh	1	6	2006	8	A2	Gia Thụy	Tin học	7.00
14	TH09	Trần Trường	Giang	26	11	2006	8	H	Thạch Bàn	Tin học	7.00
15	TH15	Trần Quang	Huy	20	1	2006	8	E	Đức Giang	Tin học	7.00
16	TH10	Trần Nhật	Hoàng	4	9	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Tin học	6.50
17	TH04	Tổng Đức	Chính	29	9	2006	8	A1	Việt Hưng	Tin học	5.00
18	TH18	Nguyễn Duy	Minh	9	9	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Tin học	5.00
19	TH26	Vũ Đình	Phúc	10	11	2006	8	A	Đức Giang	Tin học	5.00
20	TH29	Vũ Xuân	Thành	14	2	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Tin học	4.00
21	TH30	Phạm Như	Trung	2	6	2006	8	D	Ngô Gia Tự	Tin học	4.00
22	TH12	Đào Vũ	Hoàng	3	11	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Tin học	3.00
23	TH13	Nguyễn Phi	Hùng	7	4	2006	8	A1	Phúc Lợi	Tin học	3.00
24	TH34	Hàn Sơn	Tùng	16	4	2006	8	C	Ngô Gia Tự	Tin học	3.00
25	TH19	Nguyễn Nhật	Minh	8	6	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Tin học	2.50
26	TH05	Nguyễn Tiến	Đạt	7	6	2006	8	A1	Phúc Lợi	Tin học	2.00
27	TH21	Trần Bảo	Nam	4	9	2006	8	A2	Bồ Đề	Tin học	2.00
28	TH23	Nguyễn Hoàng	Nam	22	4	2006	8	A3	Ngọc Thụy	Tin học	2.00
29	TH24	Ngô Nhật	Nam	13	5	2006	8	A1	Phúc Lợi	Tin học	1.00
30	TH25	Phạm Minh	Ngọc	7	1	2006	8	A1	ĐT Việt Hưng	Tin học	1.00



31	TH33	Nguyễn Đình	Tuấn	4	9	2006	8	A6	Thượng Thanh	Tin học	1.00
32	TH20	Phùng Ngọc	Minh	17	2	2006	8	A6	Thượng Thanh	Tin học	Bỏ thi
33	TH01	Hoàng Diệu	Anh	23	7	2006	8	A2	Gia Thụy	Tin học	Bỏ thi
34	TH08	Nguyễn Khánh	Duy	26	4	2006	8	A3	Ngọc Lâm	Tin học	Bỏ thi

Long Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Đào Thị Hoa

Người đọc


Nguyễn Hoàng Cẩm

Người nhập


Nguyễn Văn Sơn

Người soát đọc


Nguyễn Huệ

Người soát nhập


Ngô Quốc Anh

